

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUỐC TẾ SƠN HÀ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 48



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tiền thân là Công ty TNHH Cơ Kim khí Sơn Hà, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 070376 ngày 23 tháng 11 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp. Công ty chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 10 năm 2007 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 26 lần được Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ 26 ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 62 65 65 66
- Fax : (024) 62 65 65 88

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gia dụng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa;
- Cung ứng các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Khai thác, kinh doanh các dự án cung cấp nước sạch;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các dự án bất động sản công nghiệp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023
Bà Trần Kim Dung	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023
Ông Phạm Thế Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023
Bà Hà Thị Hồng Mây	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Phương Nam	Thành viên độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Văn Thi	Trưởng ban	Ngày 04 tháng 6 năm 2024
Bà Trần Thị Thảo	Thành viên	Ngày 30 tháng 5 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	Ngày 30 tháng 5 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Thế Hùng	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 12 năm 2022
Ông Nguyễn Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Bà Hà Thị Hồng Mây	Trưởng ban truyền thông & Marketing	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 02 năm 2025
Ông Trương Văn Tiến	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2025
		Bổ nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Vĩnh Sơn - Chủ tịch hội đồng quản trị.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

Chủ tịch



Lê Vĩnh Sơn

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

5-00
HÀNH
TỶ
M HƯ
VÀ T
C
NỘ
TĐ

Số: 2.0553/25/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Son Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2025, từ trang 05 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội****Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2025-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.886.396.361.151	7.267.564.574.280
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	116.050.558.576	102.786.809.902
1. Tiền	111		101.912.378.694	67.174.046.340
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.138.179.882	35.612.763.562
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		403.385.472.393	386.482.700.315
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	403.385.472.393	386.482.700.315
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.615.658.566.664	5.286.357.529.154
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	3.867.854.752.734	4.408.379.797.299
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	438.533.983.243	453.582.111.303
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	172.150.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	332.336.129.938	278.588.628.523
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(23.486.747.598)	(26.757.896.837)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		420.448.347	414.888.866
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	1.510.665.042.168	1.380.176.539.305
1. Hàng tồn kho	141		1.513.207.491.093	1.381.629.287.440
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.542.448.925)	(1.452.748.135)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		240.636.721.350	111.760.995.604
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	24.293.135.918	26.363.697.305
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		215.510.081.899	84.630.032.456
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	833.503.533	767.265.843
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.233.075.111.562	2.185.873.898.009
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.630.709.136	2.851.957.849
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	5.426.111.369	3.647.360.082
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.6	(795.402.233)	(795.402.233)
II. Tài sản cố định	220		1.350.341.961.803	1.142.521.091.814
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	742.845.589.802	558.110.267.811
<i>Nguyên giá</i>	222		1.523.098.084.223	1.306.660.232.479
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(780.252.494.421)	(748.549.964.668)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	123.056.228.764	97.383.040.272
<i>Nguyên giá</i>	225		166.941.437.037	136.570.655.990
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(43.885.208.273)	(39.187.615.718)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	484.440.143.237	487.027.783.731
<i>Nguyên giá</i>	228		503.497.277.476	503.492.879.208
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(19.057.134.239)	(16.465.095.477)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		633.353.660.835	784.156.475.359
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	633.353.660.835	784.156.475.359
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		178.586.024.752	185.688.147.988
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	177.976.024.752	178.393.147.988
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	34.115.778.616	34.115.778.616
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(34.115.778.616)	(31.405.778.616)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	610.000.000	4.585.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		66.162.755.036	70.656.224.999
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	64.671.743.114	68.808.654.956
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.13	1.491.011.922	1.847.570.043
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		9.119.471.472.713	9.453.438.472.289

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		6.978.510.723.778	7.351.140.827.964
I. Nợ ngắn hạn	310		5.944.784.436.486	6.348.770.750.560
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	958.018.838.104	1.710.669.585.754
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	75.333.990.065	310.207.921.747
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	37.233.560.098	59.968.522.270
4. Phải trả người lao động	314		31.078.856.831	34.574.616.174
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	24.855.231.407	12.197.044.346
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.995.982	9.772.858
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	118.259.866.291	339.701.072.658
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	4.693.385.799.595	3.874.544.396.231
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	2.698.457.449	2.743.455.740
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	3.911.840.664	4.154.362.782
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.033.726.287.292	1.002.370.077.404
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	27.073.228.179
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	402.232.300.891	384.872.233.571
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	630.579.281.324	589.509.910.577
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.20	914.705.077	914.705.077
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.140.960.748.935	2.102.297.644.325
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	2.140.960.748.935	2.102.297.644.325
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.621.764.490.000	1.621.764.490.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.621.764.490.000	1.621.764.490.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(47.906.902.648)	(47.906.902.648)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		71.559.880.000	67.309.880.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(4.186.322.972)	(4.186.322.972)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1.813.614.750)	(3.007.507.219)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.815.091.515	39.045.868.278
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		268.432.956	268.432.956
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		168.287.638.905	145.903.688.700
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		141.087.183.601	145.903.688.700
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.200.455.304	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		294.172.055.929	283.106.017.230
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9.119.471.472.713	9.453.438.472.289

Người lập biểu

Nguyễn Mạnh Quân

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Vĩnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.903.272.103.135	4.851.629.312.880
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	104.625.827.568	89.900.194.283
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.798.646.275.567	4.761.729.118.597
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	4.327.665.800.192	4.346.933.112.122
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		470.980.475.375	414.796.006.475
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	37.587.361.896	33.493.593.081
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	185.459.727.009	173.432.342.612
Trong đó: chi phí lãi vay	23		140.475.725.788	139.046.411.594
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(417.123.236)	72.045.803
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	178.919.860.934	161.613.600.096
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	79.181.910.073	78.780.683.576
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64.589.216.019	34.535.019.075
12. Thu nhập khác	31	VI.8	2.817.669.525	2.611.862.388
13. Chi phí khác	32	VI.9	7.310.727.987	3.245.716.722
14. Lợi nhuận khác	40		(4.493.058.462)	(633.854.334)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.096.157.557	33.901.164.741
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		16.320.535.352	12.094.451.578
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		43.775.622.205	21.806.713.163
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		27.200.455.304	2.921.187.046
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		16.575.166.901	18.885.526.117
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	160	17
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	160	17

Người lập biểu

Nguyễn Mạnh Quân

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Vĩnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60.096.157.557	33.901.164.741
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		43.300.188.368	44.103.918.745
- Các khoản dự phòng	03		483.553.260	93.336.813
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4,5	14.701.172.140	2.356.341.622
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22.669.778.784)	(23.398.691.626)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	140.475.725.788	139.046.411.594
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		236.387.018.329	196.102.481.889
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		400.326.286.159	(222.779.762.151)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(114.545.565.866)	(108.618.374.088)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.209.362.403.055)	(267.497.606.272)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.207.473.229	14.652.977.872
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(140.957.045.489)	(141.391.620.329)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(44.337.495.373)	(41.939.231.998)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(365.019.724)	(1.589.953.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(866.646.751.790)	(573.061.088.577)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(135.203.808.453)	(178.749.431.199)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.000.000.000	1.008.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(47.587.041.003)	(151.703.777.425)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		206.809.268.925	71.972.159.597
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.256.493.454	12.113.063.549
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		39.274.912.923	(245.359.076.387)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	890.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	5.433.647.258.561	5.114.147.093.706
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(4.572.148.274.177)	(4.244.282.858.585)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.19	(20.774.204.771)	(18.248.301.929)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.931.380.994)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		840.724.779.613	850.574.552.198
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		13.352.940.746	32.154.387.234
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	102.786.809.902	79.184.958.927
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(89.192.072)	(68.798)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	116.050.558.576	111.339.277.363

Người lập biểu

Nguyễn Mạnh Quân

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiên

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Vinh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gia dụng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa;
- Cung ứng các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Khai thác, kinh doanh các dự án cung cấp nước sạch;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các dự án bất động sản công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 16 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp theo cam kết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	51%	54,26%	54,26%
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Sản xuất bình Thái Dương năng	50,38%	50,38%	50,38%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Lô CN1, Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	85%	85%	85%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và	Lô CN1, Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Xuân	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp theo cam kết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Phương, thành phố Hà Nội				
Son Ha Myanmar International Limited	No.33/B Damaryone Street, Ward No. 15, Baukhtaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	52,51%	52,51%	52,51%
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	Khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất, dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	Lô CN1, Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Sản xuất nước thương mại	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà FreeSolar	Lô CN1, Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện	90%	90%	90%
Công ty TNHH MTV Logistic Sơn Hà	Lô CN07.2-CN08, Khu công nghiệp đô thị Thuận Thành II, phường Mão Điền, tỉnh Bắc Ninh	Dịch vụ Logistic	100%	100%	100%
Công ty Cổ Phần Giải Pháp Công Nghệ Nước và Môi Trường Sơn Hà GM Việt Nam	Lô CN1, Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước thương mại	51%	100%	100%
Công ty TNHH Quản lý vận hành và Kinh doanh nước sạch Sơn Hà (*)	Lô CN1, Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Khai thác và xử lý nước	100%	100%	100%

(*) Công ty TNHH Quản lý Vận hành và Kinh doanh Nước sạch Sơn Hà được thành lập theo Nghị quyết số 26b/2020/QĐ - SH ngày 06/8/2020 và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109318947 ngày 21/8/2020. Công ty chưa thực hiện góp vốn và vận hành công ty con. Ngày 12 tháng 8 năm 2025, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 10/2025 về việc giải thể Công ty con này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty con gián tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Lô CN07-CN08, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, phường Mão Điền, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%	72,49%	74,34%
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	Lô 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng gia dụng và công nghiệp	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Trường Thịnh (*)	Lô CN1, Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%	36,97%	51%

(*) Căn cứ biên bản phân chia lợi nhuận ngày 27/3/2025, các cổ đông góp vốn thống nhất nộp tiền bù lỗ để đóng cửa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Trường Thịnh. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty con này vẫn đang trong quá trình làm thủ tục đóng cửa giải thể.

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn	Cung cấp, phân phối nước sạch	20,10%	20,10%	20,10%
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam	Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Sản xuất, dịch vụ	30%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	Số 2 phố Thanh Lâm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	30%	33,71%	33,71%
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Sơn Hà Đồng Nai	Tầng 13 Tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	Tầng 13 Tòa Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội	Đại lý, môi giới, đấu giá	30%	40,58%	40,58%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có 1.654 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.641 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau: Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản công nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà, thuê kho

Chi phí quảng cáo, thuê nhà, thuê kho được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 25

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất, từ 20 – 50 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 20 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ bao gồm dự phòng bảo hành sản phẩm, được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	10.613.144.371	8.451.831.946
Tiền gửi ngân hàng	91.295.197.885	58.329.064.892
Tiền đang chuyển	4.036.438	393.149.502
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	14.138.179.882	35.612.763.562
Cộng	116.050.558.576	102.786.809.902

Toàn bộ các khoản tương đương tiền được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các hợp đồng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 06 đến 24 tháng, lãi suất từ 0,9%/năm đến 5,9%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	403.385.472.393	386.482.700.315
Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	610.000.000	4.585.000.000
Cộng	403.995.472.393	391.067.700.315

Toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn được dùng để cầm cố đảm bảo cho khoản vay các ngân hàng thương mại (xem thuyết minh số V.19).

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Giá gốc	Số cuối kỳ Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	12.259.031.850	2.685.087.900	14.944.119.750	12.259.031.850	3.030.654.794	15.289.686.644
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam	13.500.000.000	-	13.500.000.000	13.500.000.000	-	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	45.000.000.000	66.292.288	45.066.292.288	45.000.000.000	110.626.726	45.110.626.726
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Sơn Hà Đồng Nai	60.000.000.000	6.908.778	60.006.908.778	60.000.000.000	(1.392.331)	59.998.607.669
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	45.000.000.000	(541.296.064)	44.458.703.936	45.000.000.000	(505.773.051)	44.494.226.949
Cộng	175.759.031.850	2.216.992.902	177.976.024.752	175.759.031.850	2.634.116.138	178.393.147.988

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Số đầu năm	Lãi/lỗ công ty liên kết	Chi trả cổ tức	Giảm do trích lập quỹ	Số cuối kỳ
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	15.289.686.644	1.760.764.483	(1.308.972.600)	(797.358.777)	14.944.119.750
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam	13.500.000.000	-	-	-	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà	45.110.626.726	(44.334.438)	-	-	45.066.292.288
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Sơn Hà Đồng Nai	59.998.607.669	8.301.109	-	-	60.006.908.778
Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange	44.494.226.949	(35.523.013)	-	-	44.458.703.936
Cộng	178.393.147.988	1.689.208.141	(1.308.972.600)	(797.358.777)	177.976.024.752

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn là công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức được chia	1.308.972.600	805.521.600
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	442.485.261	431.890.000

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	31.405.778.616	(31.405.778.616)	31.405.778.616	(31.405.778.616)
Công ty TNHH Bất động sản Havico	2.710.000.000	(2.710.000.000)	2.710.000.000	-
Cộng	34.115.778.616	(34.115.778.616)	34.115.778.616	(31.405.778.616)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	31.405.778.616	31.405.778.616
Trích lập dự phòng bổ sung	2.710.000.000	-
Số cuối kỳ	34.115.778.616	31.405.778.616

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	13.442.801.392	11.416.548.990
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	8.765.995.861	7.288.178.096
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	3.326.013.866	2.839.375.204
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	579.836.246	518.040.271
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	126.677.419	126.677.419
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	644.278.000	644.278.000
Phải thu các khách hàng khác	3.854.411.951.342	4.396.963.248.309
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	295.062.752.606	462.973.395.557
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	819.442.855.019	741.207.233.148
Công ty TNHH Thương mại Inox Hà Đông	714.591.897.338	1.087.187.311.985
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xuyên Thái Bình Dương	405.886.585.061	421.902.710.713
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phát triển Thiên Phú	340.367.990.271	436.859.037.356
Các khách hàng khác	1.279.059.871.047	1.246.833.559.550
Cộng	3.867.854.752.734	4.408.379.797.299

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Minh Ngọc ⁽ⁱ⁾	280.337.665.736	300.547.855.483
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy Thăng Long	27.999.430.118	28.288.195.499
Trong đó: Tạm ứng Dự án Tam Dương ⁽ⁱ⁾	17.500.000.000	17.500.000.000
Tạm ứng hợp đồng khác	10.499.430.118	10.788.195.499
Công ty Cổ Phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường ETM ⁽ⁱ⁾	23.285.179.491	7.605.272.606
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An ⁽ⁱ⁾	46.800.000.000	46.800.000.000
Các nhà cung cấp khác	60.111.707.898	70.340.787.715
Cộng	438.533.983.243	453.582.111.303

(i) Các khoản tạm ứng cho nhà cung cấp thực hiện Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I – khu vực 2, bao gồm:

Nhà cung cấp	Ngày hợp đồng	Nội dung	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Minh Ngọc	06/01/2022	Cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây dựng công trình hạ tầng công nghiệp	720 tỷ VND	365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Hoàng An	10/01/2022	Thiết kế, thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt hệ thống xử lý nước thải	108,8 tỷ VND	365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công
Công ty Cổ phần Phòng cháy Chữa cháy Thăng Long	28/12/2022	Thi công hệ thống Phòng cháy chữa cháy	77,5 tỷ VND	24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công.
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường ETM	28/12/2022	Thiết kế, thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt hệ thống nước sạch	25,3 tỷ VND	24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	119.670.259	-	122.365.009	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	50.459.000	-	50.459.000	-
Công ty Cổ phần Việt Nam Commodity Exchange	69.211.259	-	69.211.259	-
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai	-	-	2.694.750	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	332.216.459.679	(7.778.516.585)	278.466.263.514	(7.778.516.585)
Tạm ứng Dự án Tam Dương	48.600.265.236	-	44.925.589.125	-
Ông Phạm Xuân Vinh	-	-	18.505.000.000	-
Ông Hồ Văn Việt	25.250.265.236	-	26.420.589.125	-
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	23.350.000.000	-	-	-
Tạm ứng khác	63.729.425.065	-	44.491.831.757	-
Ký cược, ký quỹ	25.204.764.437	-	20.013.412.523	-
Lãi dự thu	30.068.537.006	-	18.510.379.816	-
Phải thu về tiền nộp Ngân sách thành phố - Dự án Bắc Cổ Nhuế Chèm	4.750.000.000	(4.750.000.000)	4.750.000.000	(4.750.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	159.863.467.935	(3.028.516.585)	145.775.050.293	(3.028.516.585)
Cộng	332.336.129.938	(7.778.516.585)	278.588.628.523	(7.778.516.585)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	4.630.709.136	-	2.851.957.849	-
Ông Lê Trần Trọng Thái	795.402.233	(795.402.233)	795.402.233	(795.402.233)
Cộng	5.426.111.369	(795.402.233)	3.647.360.082	(795.402.233)

6. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Kim loại Việt	3.540.903.520	(3.540.903.520)	3.540.903.520	(3.540.903.520)
Công ty TNHH Inox Hùng Anh	1.891.351.348	(1.891.351.348)	1.891.351.348	(1.891.351.348)
Tiền nộp Ngân sách thành phố - Dự án Bắc Cổ Nhuế Chèm	4.750.000.000	(4.750.000.000)	4.750.000.000	(4.750.000.000)
Công ty TNHH Xe máy xe điện Nam Tiến Phát	4.441.247.130	(2.277.588.821)	7.099.717.643	(2.277.588.821)
Nanning Gaoli Industrial and Trading co.,Ltd	-	-	4.421.272.635	(4.421.272.635)
Các đối tượng khác	12.690.284.469	(11.822.306.142)	11.357.437.873	(10.672.182.746)
Cộng	27.313.786.467	(24.282.149.831)	33.060.683.019	(27.553.299.070)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	26.757.896.837	795.402.233	27.553.299.070
Trích lập dự phòng bổ sung	1.170.223.396	-	1.170.223.396
Hoàn nhập dự phòng	(4.441.372.635)	-	(4.441.372.635)
Số cuối kỳ	23.486.747.598	795.402.233	24.282.149.831

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	280.022.114.055	-	232.896.530.390	-
Nguyên liệu, vật liệu	652.276.668.586	(2.480.360.658)	656.295.192.488	(1.390.659.868)
Công cụ, dụng cụ	36.322.113.415	-	26.204.767.837	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.410.689.488	-	4.380.576.881	-
Thành phẩm	200.847.275.100	-	158.315.694.498	-
Hàng hóa	340.253.632.207	(62.088.267)	303.498.695.475	(62.088.267)
Hàng gửi bán	74.998.242	-	37.829.871	-
Cộng	1.513.207.491.093	(2.542.448.925)	1.381.629.287.440	(1.452.748.135)

Một số hàng tồn kho giá trị sổ sách tại 30/6/2025 là 609.606.652.737 VND đã được dùng thế chấp để bảo đảm các khoản vay tại các Ngân hàng thương mại (xem thuyết minh số V.19).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.452.748.135	62.088.267
Trích lập dự phòng bổ sung	1.089.700.790	-
Số cuối kỳ	2.542.448.925	62.088.267

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	1.006.932.286	1.093.189.597
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng	15.800.232.787	16.864.965.916
Chi phí bản quyền phần mềm	450.753.137	2.535.513.816
Các chi phí khác	7.035.217.708	5.870.027.976
Cộng	24.293.135.918	26.363.697.305

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	7.331.838.349	10.073.553.474
Chi phí thuê đất	43.125.677.914	44.084.631.172
Chi phí sửa chữa thiết bị, văn phòng	3.444.310.300	3.910.621.467
Chi phí biển, pano quảng cáo	691.945.875	926.364.733
Chi phí giải phóng, san lấp mặt bằng	3.180.919.940	3.285.212.402
Các chi phí khác	6.897.050.736	6.528.271.708
Cộng	64.671.743.114	68.808.654.956

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	418.306.020.761	691.107.481.206	178.149.147.451	19.097.583.061	-	1.306.660.232.479
Mua trong kỳ	405.000.000	8.411.171.649	223.435.001	184.523.990	-	9.224.130.640
Đầu tư XDCB hoàn thành	167.769.214.096	18.119.339.794	21.051.910.163	-	360.425.413	207.300.889.466
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	8.068.445.000	-	-	8.068.445.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(505.000.000)	(8.068.445.000)	(30.161.332)	-	(8.603.606.332)
Giảm khác	213.328.309	200.011.895	16.337.289	18.315.477	-	447.992.970
Số cuối kỳ	586.693.563.166	717.333.004.544	199.440.829.904	19.270.261.196	360.425.413	1.523.098.084.223

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn
sử dụng

	15.486.670.889	192.034.381.413	48.226.459.504	10.692.288.362	-	266.439.800.168
--	----------------	-----------------	----------------	----------------	---	-----------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	153.012.479.774	448.880.823.409	131.843.898.388	14.812.763.097	-	748.549.964.668
Khấu hao trong kỳ	9.778.368.029	15.383.365.255	6.015.068.887	748.893.393	3.754.432	31.929.449.996
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	3.727.658.610	-	-	3.727.658.610
Thanh lý, nhượng bán	-	(406.805.591)	(3.840.696.373)	(28.485.696)	-	(4.275.987.660)
Giảm khác	160.138.961	128.962.616	17.365.096	14.942.134	-	321.408.807
Số cuối kỳ	162.950.986.764	463.986.345.689	137.763.294.608	15.548.112.928	3.754.432	780.252.494.421

Giá trị còn lại

Số đầu năm	265.293.540.987	242.226.657.797	46.305.249.063	4.284.819.964	-	558.110.267.811
Số cuối kỳ	423.742.576.402	253.346.658.855	61.677.535.296	3.722.148.268	356.670.981	742.845.589.802

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 480.730.628.015 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng thương mại (xem thuyết minh số V.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	117.110.834.473	19.459.821.517	136.570.655.990
Thuê tài chính trong kỳ	32.730.694.832	5.665.136.215	38.395.831.047
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	(8.025.050.000)	(8.025.050.000)
Số cuối kỳ	149.841.529.305	17.099.907.732	166.941.437.037
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	30.650.249.761	8.537.365.957	39.187.615.718
Khấu hao trong kỳ	7.411.522.804	1.013.728.361	8.425.251.165
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	(3.727.658.610)	(3.727.658.610)
Số cuối kỳ	38.061.772.565	5.823.435.708	43.885.208.273
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	86.460.584.712	10.922.455.560	97.383.040.272
Số cuối kỳ	111.779.756.740	11.276.472.024	123.056.228.764

Theo các hợp đồng thuê tài sản, Tập đoàn được quyền mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	461.163.110.872	42.329.768.336	503.492.879.208
Tăng khác	-	4.398.268	4.398.268
Số cuối kỳ	461.163.110.872	42.334.166.604	503.497.277.476
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	231.401.690	5.375.991.889	5.607.393.579
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	7.479.195.790	8.985.899.687	16.465.095.477
Khấu hao trong kỳ	1.499.219.139	1.089.709.947	2.588.929.086
Tăng khác	-	3.109.676	3.109.676
Số cuối kỳ	8.978.414.929	10.078.719.310	19.057.134.239
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	453.683.915.082	33.343.868.649	487.027.783.731
Số cuối kỳ	452.184.695.943	32.255.447.294	484.440.143.237
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 406.032.570.550 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng thương mại (xem thuyết minh số V.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	268.000.000	-	-	268.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	783.888.475.359	53.867.871.604	(204.670.686.128)	633.085.660.835
Dự án nước Hà Đông ⁽ⁱ⁾	6.486.875.096	1.024.126.850	-	7.511.001.946
Dự án 3 xã Bình Minh, Thanh Cao, Thanh Mai ⁽ⁱⁱ⁾	14.411.111.333	36.818.920	-	14.447.930.253
Dự án KCN Tam Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	494.518.356.609	44.362.587.996	-	538.880.944.605
Dự án Nhà máy Bàu Bàng ^(iv)	207.599.710.666	1.171.759.347	(204.670.686.128)	4.100.783.885
Dự án Nhà máy sản xuất các mặt hàng gia dụng và công nghiệp ^(v)	39.373.499.911	2.336.526.515	-	41.710.026.426
Các Dự án khác	21.498.921.744	4.936.051.976	-	26.434.973.720
Cộng	784.156.475.359	53.867.871.604	(204.670.686.128)	633.353.660.835

(i) Dự án đầu tư và xây dựng lắp đặt trạm xử lý nước sạch Hà Đông được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định ngày 17/10/2016 và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư ngày 25/07/2018 với liên doanh hai nhà thầu là Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) ngày 30/5/2017. Giai đoạn 1, giai đoạn 2 đã được kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành trong năm 2020 và 2021, giai đoạn 3 đang thực hiện thủ tục kiểm toán xây dựng cơ bản.

(ii) Dự án Xây dựng mạng lưới cấp nước sạch liên xã Bình Minh, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định ngày 11/02/2019 với liên doanh 2 nhà thầu Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà. Giai đoạn 1 đã được kiểm toán quyết toán hoàn thành trong Quý 1/2022, Giai đoạn 2 dự án đang tiếp tục hoàn tất công tác đấu nối đường ống dẫn nước đến từng hộ dân.

(iii) Dự án Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tam Dương I – khu vực 2, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Khu vực 2, xã Tam Dương, tỉnh Phú Thọ) được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định ngày 10/3/2021. Dự án được Ban Quản lý các khu công nghiệp Vĩnh Phúc (cũ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 01/6/2021, thay đổi lần thứ 3 ngày 10/10/2024. Ngày 27/4/2023, Ban quản lý các khu công nghiệp Vĩnh Phúc (cũ) cấp Giấy phép Xây dựng cho Công ty để thực hiện xây dựng các hạng mục của Dự án. UBND tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) đã ban hành các Quyết định về việc giao đất cho Công ty, trong đó, đợt 1 với diện tích 812.425 m² ngày 27/4/2023, đợt 2 với diện tích 224.093,2 m² ngày 30/6/2025. Tổng mức đầu tư của dự án là 1.576.873.000.000 VND, dự kiến từ năm 2025 Công ty bắt đầu cho thuê lại đất.

(iv) Dự án Nhà máy Bàu Bàng tại Ấp Suối Tre, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương để đầu tư mở rộng thêm nhà máy mới để sản xuất các sản phẩm thương hiệu Toàn Mỹ và một phần diện tích Nhà máy sẽ cho Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam (SSP) thuê để sản xuất ống inox bán cho thị trường Miền Nam và xuất khẩu. Trong kỳ, Nhà máy Bàu Bàng đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ tháng 6/2025.

(v) Dự án mở rộng nhà xưởng nhà máy sản xuất các mặt hàng gia dụng và công nghiệp bằng kim loại của Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung tại Lô 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng. Dự án đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (xem thuyết minh số V.19).

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ là 10.340.907.973 VND (cùng kỳ năm trước là 14.737.481.694 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Lợi thế thương mại

Là lợi thế thương mại khi ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ. Chi tiết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.847.570.043	2.560.686.283
Số phân bổ trong kỳ	(356.558.121)	(356.558.121)
Số cuối kỳ	1.491.011.922	2.204.128.162

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	99.419.649	2.351.826.858
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	-	2.283.675.897
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	99.419.649	68.150.961
Phải trả các nhà cung cấp khác	959.745.515.788	1.708.317.758.896
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Inox Minh Phú	101.669.560.054	236.006.292.251
Công ty Cổ Phần Thương mại Đầu tư Phương Nam	53.012.830.351	204.073.588.787
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Quốc tế Bình Minh	59.689.003.793	225.721.701.424
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Thiên Long	89.038.752.707	172.455.764.274
Golden Harbour International Pte.Ltd	-	175.634.833.911
Hong Kong Rui Pu Co., Limited	263.888.599.550	-
Các nhà cung cấp khác	503.322.506.144	687.744.931.757
Cộng	958.018.838.104	1.710.669.585.754

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Inox Nhật Minh	-	89.100.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Inox Tsingshan Việt Nam	-	52.500.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Thiên Long	-	98.200.000.000
Các nhà phân phối, đại lý (*)	16.180.365.531	13.544.217.018
Các khách hàng khác	59.153.624.534	56.863.704.729
Cộng	75.333.990.065	310.207.921.747

(*) Là các khoản nhà phân phối, đại lý đặt cọc giữ giá nhập hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	14.007.406.329	28.725.477	24.291.706.870	(20.136.666.159)	18.162.447.040	28.725.477
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	161.696.398.293	(161.696.398.293)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	74.604.368	200.078.109	(201.931.625)	-	76.457.884
Thuế tiêu thụ đặc biệt	8.826.211	-	1.026.344.623	(825.091.784)	210.079.050	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.302.547.131	605.930.267	16.320.535.352	(44.337.495.373)	16.348.134.768	668.477.925
Thuế thu nhập cá nhân	1.181.907.874	29.394.432	3.460.583.254	(4.190.691.518)	482.247.425	59.842.247
Thuế tài nguyên	40.000	-	1.834.718.000	(1.485.772.000)	348.986.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	28.611.299	1.068.954.882	(60.506.880)	979.836.703	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	1.250.000	(1.250.000)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	156.300.000	(156.300.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	467.794.725	-	2.890.655.235	(2.656.620.848)	701.829.112	-
Cộng	59.968.522.270	767.265.843	212.947.524.618	(235.748.724.480)	37.233.560.098	833.503.533

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 5%, 8% và 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3770038731 ngày 14 tháng 10 năm 2016 do Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An cấp, Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2016), được miễn thuế TNDN trong 4 năm (đến hết năm 2019) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo (đến hết năm 2028) do thực hiện Dự án Đầu tư mới tại Khu kinh tế được ưu đãi thuế.

Các công ty khác trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất theo Thông báo của Cục thuế Thành phố Hà Nội như sau:

Diện tích đất thuê là 44.800 m² tại Cụm Công nghiệp thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội với đơn giá 45.020 VND/m².

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	3.807.379.876	4.288.699.577
Chi phí khuyến mại	4.345.623.169	3.093.201.237
Chi phí thi công Nhà máy Bàu Bàng	10.252.001.544	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.450.226.818	4.815.143.532
Cộng	24.855.231.407	12.197.044.346

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	2.557.529.736	2.448.595.299
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	903.368.383	96.850.414
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.898.287.920	2.995.944.444
Nhận ký quỹ, ký cược	3.705.242.011	2.381.394.611
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50.296.972.062	249.868.887.900
- Chi nhánh Thanh Xuân (*)		
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	14.894.743.632
- Chi nhánh Tây Hà Nội (*)		
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	15.520.770.982
- Chi nhánh Đông Đô (*)		
Thu tiền các hộ dân hỗ trợ đặt đồng hồ, ống nước	25.313.059.935	26.375.135.752
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	25.585.406.244	25.118.749.624
Cộng	118.259.866.291	339.701.072.658

(*) Các khoản các ngân hàng ứng trước tiền thanh toán cho nhà cung cấp theo các Hợp đồng phát hành thư tín dụng L/C Upas và hình thức bao thanh toán cung cấp cho bên khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược	5.000.000	5.000.000
Nhận đặt cọc đất Dự án Tam Dương	348.758.817.320	331.398.750.000
Công ty TNHH Thương Mại và Đầu Tư Phát Triển Thiên Phú	52.970.000.000	52.970.000.000
Công ty TNHH Thương mại Inox Hà Đông	-	51.350.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	48.395.000.000	48.395.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	-	47.160.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xuyên Thái Bình Dương	33.608.000.000	41.708.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu nhựa	76.260.960.000	-
Công ty Cổ phần PMT.P&E	44.577.000.000	-
Ông Trần Huyền Linh	60.000.000.000	60.000.000.000
Các đối tượng khác	32.947.857.320	29.815.750.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	53.468.483.571	53.468.483.571
Cộng	402.232.300.891	384.872.233.571

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.607.630.987.569	3.801.261.488.413
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.087.123.596.704	1.677.569.005.819
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	87.579.455.267	91.496.574.938
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	444.931.512.718	418.905.825.935
Ngân hàng TMCP Quân Đội	723.418.512.366	637.625.923.537
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	57.917.584.871	57.876.209.065
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	263.735.713.480	305.782.078.813
Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun	136.388.574.021	130.337.730.950
Ngân hàng First Commercial Bank	137.663.963.815	166.586.458.329
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	49.268.048.122	39.559.290.911
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	199.206.828.878	18.880.449.978
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	225.920.107.960	155.340.601.142
Ngân hàng TMCP An Bình	100.844.448.071	76.315.419.814
Ngân hàng Sinopac	-	24.985.919.182
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	49.398.490.992	-
Ngân hàng Đại Chúng TNHH Kasikornbank	44.234.150.304	-
Vay ngắn hạn các cá nhân, tổ chức khác	9.127.500.000	5.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	34.869.777.583	30.573.663.165
Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội đến hạn trả	6.075.000.000	5.150.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	35.682.534.443	37.554.244.653
Cộng	4.693.385.799.595	3.874.544.396.231

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản vay ngắn hạn mục đích để tài trợ vốn lưu động, mua nguyên vật liệu, hàng hóa nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh, mở L/C, Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Tập đoàn và tài sản của Ban lãnh đạo Công ty. Chi tiết như sau:

Tại Công ty mẹ (lãi suất từ 5,1%-11,5%/năm):

<u>Ngân hàng</u>	<u>Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	770 tỷ VNĐ	Không quá 165 ngày
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức	480 tỷ VNĐ	Không quá 165 ngày
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	390 tỷ VNĐ	Không quá 6 tháng
Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai	3,5 triệu USD	Không quá 180 ngày
Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Hà Nội	80 tỷ VNĐ	180 ngày
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao Dịch	100 tỷ VNĐ	Không quá 6 tháng
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Trì	250 tỷ VNĐ	Không quá 6 tháng
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long	200 tỷ VNĐ	Không quá 6 tháng
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm	200 tỷ VNĐ	Không quá 180 ngày
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đại An	100 tỷ VNĐ	Không quá 12 tháng

Tại Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (lãi suất từ 5,5%-11%/năm):

<u>Ngân hàng</u>	<u>Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	50 tỉ VNĐ	12 tháng
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đồng Đa	85 tỉ VNĐ	12 tháng

Tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam (lãi suất từ 4,8%-8,2%/năm):

<u>Ngân hàng</u>	<u>Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	400 tỷ VNĐ	07/3/2025
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	500 tỷ VNĐ	18/9/2024-15/9/2025
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức	225 tỷ VNĐ	18/9/2024-15/9/2025
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh	44 tỷ VNĐ	Không quá 12 tháng
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Kinh Đô	250 tỷ VNĐ	12 tháng
Ngân hàng Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	250 tỷ VNĐ	12 tháng
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô	133 tỷ VNĐ	10/6/2024-10/6/2025
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch	100 tỷ VNĐ	12 tháng
Ngân hàng ESUN Bank – Chi nhánh Đồng Nai	2 triệu USD	12 tháng
Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội PGD Đại Kim	150 tỷ VNĐ	26/7/2024-26/7/2025
Ngân hàng SINOPAC – Chi nhánh Hồ Chí Minh	1 triệu USD	01/4/2025-01/4/2026
Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK - Chi nhánh Hồ Chí Minh	130 tỷ VNĐ	12/6/2025- 12/6/2026

Tại Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ (lãi suất từ 5,2%-6,8%/năm):

<u>Ngân hàng</u>	<u>Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	150 tỷ VNĐ	12 tháng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa	40 tỷ VNĐ	12 tháng
Ngân hàng First Commercial Bank	50 tỷ VNĐ	12 tháng
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	10,953 tỷ VNĐ	12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại Công ty TNHH Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh (lãi suất từ 5%-8,95%/năm):

Ngân hàng	Hạn mức	Thời hạn
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức	200 tỷ VND	12 tháng
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành Đô	50 tỷ VND	12 tháng
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao Dịch	80 tỷ VND	12 tháng
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	70 tỷ	12 tháng

Tại Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ miền Trung (lãi suất từ 5,7%-6,8%/năm):

Ngân hàng	Hạn mức	Thời hạn
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	25 tỷ VND	6 tháng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức	50 tỷ VND	6 tháng

Tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An (lãi suất từ 4,4%-6,5%/năm):

Ngân hàng	Hạn mức	Thời hạn
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	50 tỷ VND	12 tháng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	80 tỷ VND	12 tháng

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	CLTG đánh giá lại cuối kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.801.261.488.413	5.344.932.802.923	-	(4.552.380.942.265)	13.817.638.498	4.607.630.987.569
Vay ngắn hạn các cá nhân, tổ chức	5.000.000	10.953.000.000	-	(1.830.500.000)	-	9.127.500.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	30.573.663.165	-	19.657.946.330	(15.361.831.912)	-	34.869.777.583
Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội đến hạn trả	5.150.000.000	-	3.500.000.000	(2.575.000.000)	-	6.075.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	37.554.244.653	-	18.902.494.561	(20.774.204.771)	-	35.682.534.443
Cộng	3.874.544.396.231	5.355.885.802.923	42.060.440.891	(4.592.922.478.948)	13.817.638.498	4.693.385.799.595

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	517.079.603.940	458.976.094.632
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	22.670.953.879	25.520.953.879
Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - Chi nhánh Nghệ An	17.049.575.948	19.768.853.948
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Quang Trung	11.244.047.778	12.777.311.778
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	149.756.765.958	121.312.253.996
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	313.502.684.986	275.295.741.310
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Lê Thái Tổ	-	69.426.224
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	2.855.575.391	4.231.553.497

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội</i>	<i>49.817.497.062</i>	<i>53.317.497.062</i>
<i>Nợ thuê tài chính</i>	<i>63.682.180.322</i>	<i>77.216.318.883</i>
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội	4.773.787.564	8.209.737.206
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	40.444.414.559	54.035.076.733
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	18.463.978.199	14.971.504.944
Cộng	630.579.281.324	589.509.910.577

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Các khoản vay dài hạn tại Công ty mẹ để thực hiện các dự án, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay, chi tiết như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Hạn mức</i>	<i>Thời hạn</i>	<i>Lãi suất</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Hợp đồng ngày 08/04/2024, để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Tam Dương I- khu vực 2, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc	1.056,41 tỷ VND	72 tháng	7,4%
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Hà Tây	Hợp đồng ngày 29/08/2017, để thực hiện dự án Xây dựng trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông	100 tỷ VND	15 năm	8,4%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	Hợp đồng ngày 29/12/2017, để thanh toán các khoản chi phí để thực hiện hợp tác kinh doanh dự án “ Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Vân Côn- An Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội”	57,513 tỷ VND và không vượt quá 62.5% tổng mức đầu tư của dự án	144 tháng	11,5%
Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội	Hợp đồng ngày 30/09/2019, để thanh toán chi phí thực hiện các gói thầu số 01, 02, 03, 11 của dự án "Lắp đặt tuyến ống truyền dẫn, trạm tăng áp và tuyến ống phân phối, dịch vụ xã Bình Minh, xã Thanh Mai, xã Thanh Cao"	61,311 tỷ VND	138 tháng	6,95%

Các khoản vay dài hạn tại các công ty con bao gồm:

<i>Bên vay/Ngân hàng cho vay</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Hạn mức</i>	<i>Thời hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
<i>Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ (lãi suất 8,2%/năm)</i>					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng nhà máy Toàn Mỹ Bàu Bàng	230 tỷ VND	120 tháng, ân hạn 06 tháng	8,2%	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với thửa đất
<i>Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung</i>					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các mặt hàng gia dụng và công nghiệp bằng kim loại GD2	30 tỷ VND	72 tháng, ân hạn 06 tháng	8.6%/năm (24 tháng đầu tiên)	Nhà xưởng hình thành trong tương lai
<i>Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà</i>					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	dự án đầu tư hệ thống pin năng lượng mặt trời công suất 998 kWp	9,975 tỷ VND	84 tháng	8,9%- 12%	Quyền thu hồi công nợ bán điện từ hệ thống điện mặt trời mái nhà; máy móc thiết bị thuộc dự án

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<i>Bên vay/Ngân hàng cho vay</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Hạn mức</i>	<i>Thời hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar					
Ngân hàng TMCP MTV shinhan Việt Nam - Chi nhánh Lê Thái Tổ	thanh toán chi phí mua xe ô tô	847 triệu VND	60 tháng	7,5%/năm	Xe ô tô
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP					
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội	Thanh toán chi phí triển khai phần mềm SAP	17,3 tỷ VND	48 tháng từ 04/10/2022	10,5- 12,1%/năm	Tài sản vô hình là phần mềm SAP

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	551.949.381.523	34.869.777.583	344.799.340.144	172.280.263.796
Vay dài hạn các tổ chức khác	55.892.497.062	6.075.000.000	43.700.000.000	6.117.497.062
Nợ thuê tài chính	99.364.714.765	35.682.534.443	63.682.180.322	-
Cộng	707.206.593.350	76.627.312.026	452.181.520.466	178.397.760.858
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	489.549.757.797	30.573.663.165	126.766.254.765	332.209.839.867
Vay dài hạn các tổ chức khác	58.467.497.062	5.150.000.000	42.400.000.000	10.917.497.062
Nợ thuê tài chính	114.770.563.536	37.554.244.653	77.216.318.883	-
Cộng	662.787.818.395	73.277.907.818	246.382.573.648	343.127.336.929

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các tổ chức khác	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	458.976.094.632	53.317.497.062	77.216.318.883	589.509.910.577
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	77.761.455.638	-	5.368.356.000	83.129.811.638
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(19.657.946.330)	(3.500.000.000)	(18.902.494.561)	(42.060.440.891)
Số cuối kỳ	517.079.603.940	49.817.497.062	63.682.180.322	630.579.281.324

20. Dự phòng phải trả

Là các khoản dự phòng chi phí bảo hành cho các sản phẩm đã bán còn trong thời hạn bảo hành.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	4.154.362.782	5.677.519.587
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	122.497.606	178.896.695
Chi quỹ	(365.019.724)	(1.589.953.500)
Số cuối kỳ	3.911.840.664	4.266.462.782

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Kỳ trước

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm	1.621.764.490.000	(47.906.902.648)	67.309.880.000	(4.186.322.972)	(5.116.836.291)	38.865.623.775	268.432.956	69.467.000.066	266.952.401.534	2.007.417.766.420
Góp vốn bằng tiền trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	890.000.000	890.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	2.921.187.046	18.885.526.117	21.806.713.163
Trích lập các quỹ ở công ty con	-	-	-	-	-	180.244.503	-	(270.366.755)	(88.774.443)	(178.896.695)
Thù lao HĐQT, BKS Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(402.276.769)	-	(402.276.769)
Thù lao HĐQT, BKS Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(119.387.652)	(84.612.348)	(204.000.000)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi báo cáo	-	-	-	-	2.092.373.410	-	-	-	-	2.092.373.410
Tạm ứng cổ tức ở Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(15.702.831.408)	(15.702.831.408)
Số dư cuối kỳ	1.621.764.490.000	(47.906.902.648)	67.309.880.000	(4.186.322.972)	(3.024.462.881)	39.045.868.278	268.432.956	71.596.155.936	270.851.709.452	2.015.718.848.121

Kỳ này

Số dư đầu năm	1.621.764.490.000	(47.906.902.648)	67.309.880.000	(4.186.322.972)	(3.007.507.219)	39.045.868.278	268.432.956	145.903.688.700	283.106.017.230	2.102.297.644.325
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	27.200.455.304	16.575.166.901	43.775.622.205
Trích lập các quỹ ở công ty con	-	-	-	-	-	371.714.829	-	(433.425.081)	(60.787.354)	(122.497.606)
Thù lao HĐQT, BKS Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(509.801.000)	-	(509.801.000)
Thù lao HĐQT, BKS Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(225.770.610)	(123.426.460)	(349.197.070)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi báo cáo	-	-	-	-	1.193.892.469	-	-	-	-	1.193.892.469
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	4.250.000.000	-	-	(602.491.592)	-	(3.647.508.408)	-	-
Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tạm ứng cổ tức ở Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(6.902.343.476)	(6.902.343.476)
Các cổ đông nộp tiền để	-	-	-	-	-	-	-	-	1.577.429.088	1.577.429.088
đóng của Công ty con (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.621.764.490.000	(47.906.902.648)	71.559.880.000	(4.186.322.972)	(1.813.614.750)	38.815.091.515	268.432.956	168.287.638.905	294.172.055.929	2.140.960.748.935

(*) Xem thuyết minh số I.5a.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	162.176.449	162.176.449
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	162.176.449	162.176.449
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	318.860	318.860
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	161.857.589	161.857.589

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/SH ngày 25 tháng 4 năm 2025 như sau:

VND

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát : 509.801.000

Đại hội đồng cổ đông thường niên cũng đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành 8.092.879 cổ phiếu, mệnh giá 80.928.790.000 VND. Nguồn phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán. Ngày 11/7/2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty. Theo đó, Công ty mẹ đã phát hành 8.091.960 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 99,98 % số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành) để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Ngày 30/7/2025, Công ty mẹ đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 26 về việc thay đổi vốn điều lệ. Theo đó, vốn điều lệ mới của Công ty mẹ là 1.702.684.090.000 VND.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	682.093,65	89.018,92
Euro (EUR)	58,01	68,46
Rup Nga (RUB)	27,60	-
LAK (Kip lao)	326.040.000,00	326.040.000,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	2.561.593.439.597	3.304.772.508.733
Doanh thu bán thành phẩm	2.317.083.782.105	1.519.932.059.581
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.242.413.751	7.720.890.209
Doanh thu cung cấp nước sạch thành phẩm	16.257.593.936	14.536.885.898
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	4.094.873.746	4.666.968.459
Cộng	4.904.913.916.724	4.851.629.312.880

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Bán hàng hóa, nguyên vật liệu		
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	776.051.200	479.514.038
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	112.670.947.459	94.875.752.376
Giảm trừ doanh thu		
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	4.357.681.388	2.914.274.165

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	103.149.179.681	88.997.065.559
Hàng bán bị trả lại	1.476.647.887	903.128.724
Cộng	104.625.827.568	89.900.194.283

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.246.924.069.146	3.008.536.390.237
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.057.387.195.940	1.317.738.888.411
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.682.093.545	5.852.676.084
Giá vốn nước thành phẩm	17.876.291.855	13.949.807.126
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	1.706.448.916	855.350.264
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.089.700.790	-
Cộng	4.327.665.800.192	4.346.933.112.122

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu	12.457.219.512	10.852.699.431
Cổ tức được chia	1.308.972.600	805.521.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.994.026.951	6.982.113.426
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.245.450.109	2.339.284.288
Lãi phải thu từ thỏa thuận hợp đồng	11.048.458.532	12.513.974.336
Doanh thu tài chính khác	533.234.192	-
Cộng	37.587.361.896	33.493.593.081

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	140.475.725.788	139.046.411.594
Chiết khấu thanh toán	11.177.374.605	7.856.494.272
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	15.143.855.060	21.829.661.530
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	15.946.622.249	4.695.625.910
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	2.710.000.000	-
Chi phí tài chính khác	6.149.307	4.149.306
Cộng	185.459.727.009	173.432.342.612

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	62.811.099.388	53.710.397.155
Chi phí vật liệu, bao bì	875.263.938	622.989.743
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.719.730.435	2.403.777.173
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.390.078.604	2.058.537.940
Chi phí bảo hành	5.756.622.357	6.207.870.964
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	10.185.603.913	9.970.283.304
Chi phí vận chuyển, chi phí xuất khẩu	48.073.026.672	39.681.146.834
Chi phí showroom	-	7.403.671.661
Chi phí thuê kho	10.494.711.519	10.497.573.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.839.342.350	19.636.018.605
Các chi phí khác	15.774.381.758	9.421.333.453
Cộng	178.919.860.934	161.613.600.096

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	38.810.116.555	32.401.582.278
Chi phí vật liệu quản lý	147.409.041	66.826.452
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.594.810.874	2.774.602.151
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.903.239.328	6.049.571.185
Thuế, phí và lệ phí	143.964.960	616.121.789
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(3.271.149.239)	168.771.111
Lợi thế thương mại	356.558.121	356.558.121
Chi phí thanh toán, mở LC	4.347.776.803	15.469.770.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.479.470.742	16.850.278.146
Các chi phí khác	9.669.712.888	4.026.601.885
Cộng	79.181.910.073	78.780.683.576

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hợp đồng	2.246.741.410	1.340.121.355
Thu nhập khác	570.928.115	1.271.741.033
Cộng	2.817.669.525	2.611.862.388

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản	1.727.748.624	845.549.544
Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt vi phạm hành chính	3.617.597.804	1.263.317.119
Phạt do vi phạm hợp đồng	1.298.695.610	-
Chi phí khấu hao TSCĐ không sử dụng	397.294.014	190.387.566
Chi phí khác	269.391.935	946.462.493
Cộng	7.310.727.987	3.245.716.722

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	27.200.455.304	2.921.187.046
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.200.455.304	2.921.187.046
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	170.268.409	170.268.409
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (*)	160	17

(*) Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước giảm từ 18 VND/CP xuống còn 17 VND/CP do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu từ vốn chủ sở hữu (xem thuyết minh số V.22c).

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	162.176.449	162.176.449
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ vốn chủ sở hữu	8.091.960	8.091.960
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	170.268.409	170.268.409

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.205.978.405.795	1.376.070.584.581
Chi phí nhân công	137.968.465.155	112.006.065.580
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.546.336.233	43.747.360.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	269.253.300.110	171.623.939.024
Chi phí khác	44.605.827.345	42.799.208.430
Cộng	2.700.352.334.638	1.746.247.158.239

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Ông Lê Vĩnh Sơn – Chủ tịch Công ty dùng 1.120.000 cổ phiếu SHI thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng cấp tín dụng số 50678.20.058.2475643.TD ngày 06/10/2020 và quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán căn nhà tại địa chỉ số 56, lô đất số Q-M5 tại KĐT Nam Thăng Long thuộc quyền sở hữu của Ông Lê Vĩnh Sơn và Bà Trần Kim Dung.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (ĐVT: 1.000.000 VND)

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này					
Hội đồng quản trị					
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	-	-	144,00	144,00
Bà Trần Kim Dung	Phó Chủ tịch	-	-	54,00	54,00
Ông Phạm Thế Hùng	Thành viên/PTGD thường trực	726,55	120,70	54,00	901,25
	Thành viên (từ 24/5/25)				
Bà Hà Thị Hồng Mây	Trưởng ban truyền thông & Marketing (từ 03/02/25 đến 03/8/25)	616,55	-	-	616,55
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên (đến 24/5/25)	-	-	54,00	54,00
Ông Nguyễn Phương Nam	Thành viên độc lập	-	-	54,00	54,00
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên độc lập	-	-	54,00	54,00
Ban Điều hành					
Ông Nguyễn Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	604,55	80,00	-	684,55
Ông Trương Văn Tiến	Kế toán trưởng	551,61	69,83	-	621,44
Ban Kiểm soát					
Ông Trần Văn Thi	Trưởng ban	201,70	27,63	27,73	257,07
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	-	-	14,07	14,07
Bà Trần Thị Thảo	Thành viên	163,70	19,21	24,00	206,90
Cộng		2.864,66	317,37	479,80	3.661,83

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ trước					
Hội đồng quản trị					
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	-	-	106,36	106,36
Bà Trần Kim Dung	Phó Chủ tịch	-	-	39,89	39,89
Ông Phạm Thế Hùng	Thành viên/PTGD thường trực	684,27	-	23,38	707,65
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên	484,90	-	23,38	508,28
Ông Nguyễn Phương Nam	Thành viên độc lập	-	-	39,89	39,89
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên độc lập	-	-	39,89	39,89
Ban Điều hành, quản lý					
Ông Nguyễn Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	659,49	-	-	659,49
Ông Trương Văn Tiến	Kế toán trưởng	520,30	-	-	520,30
Ban Kiểm soát					
Ông Trần Văn Thi	Trưởng ban (từ 04/6/24)	199,07	-	-	199,07
Bà Nguyễn Thị Gấm	Trưởng ban (đến 30/5/24)	-	-	38,13	38,13
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên (đến 30/5/2024)	155,83	-	14,07	169,90
Bà Trần Thị Thảo	Thành viên (từ 30/5/23)	118,36	-	14,07	132,43
Cộng		2.822,22	-	339,06	3.161,28

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác

Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển
Hoàng Hà

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn

Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanseem Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sơn Hà

Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Sơn Hà Đồng Nai

Công ty Cổ phần Vietnam Commodity Exchange

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sơn Hà Sài Gòn)

Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai

Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng hợp Lệ Gia

Mối quan hệ

Cổ đông lớn

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên quan của thành viên
chủ chốt

Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn

Công ty liên quan của thành viên
chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6a và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh hàng gia dụng.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng công nghiệp.
- Lĩnh vực kinh doanh khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.022.778.807.651	2.745.151.322.069	30.716.145.847	4.798.646.275.567
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.022.778.807.651	2.745.151.322.069	30.716.145.847	4.798.646.275.567
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	47.044.734.287	422.274.901.112	1.660.839.976	470.980.475.375
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(258.101.771.007)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				212.878.704.368
Doanh thu hoạt động tài chính				37.587.361.896
Chi phí tài chính				(185.459.727.009)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				(417.123.236)
Thu nhập khác				2.817.669.525
Chi phí khác				(7.310.727.987)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(16.320.535.352)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				43.775.622.205
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	12.881.440.640	122.322.367.813	-	135.203.808.453
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.495.794.597	34.804.393.771	-	43.300.188.368
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.136.415.870.367	3.595.874.103.327	29.439.144.903	4.761.729.118.597
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.136.415.870.367	3.595.874.103.327	29.439.144.903	4.761.729.118.597
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(496.739.680.964)	923.983.777.652	(12.448.090.213)	414.796.006.475
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(240.394.283.672)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				174.401.722.803
Doanh thu hoạt động tài chính				33.493.593.081
Chi phí tài chính				(173.432.342.612)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				72.045.803
Thu nhập khác				2.611.862.388
Chi phí khác				(3.245.716.722)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(12.094.451.578)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>				21.806.713.163
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	9.441.668.738	169.307.762.461	-	178.749.431.199
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	8.106.404.075	34.583.327.444	1.414.187.226	44.103.918.745

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.593.123.550.233	6.322.924.715.387	46.832.918.017	8.962.881.183.637
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				156.590.289.076
Tổng tài sản				9.119.471.472.713
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.105.292.254.750	4.847.200.067.425	26.018.401.603	6.978.510.723.778
Nợ phải trả không phân bổ cho bộ phận				-
Tổng nợ phải trả				6.978.510.723.778
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.663.978.062.736	6.575.861.377.587	52.821.210.772	9.292.660.651.095
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				160.777.821.194
Tổng tài sản				9.453.438.472.289
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.190.596.489.947	5.129.988.993.825	30.555.344.192	7.351.140.827.964
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				-
Tổng nợ phải trả				7.351.140.827.964

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Tập đoàn không lập báo cáo bộ theo khu vực địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngoài sự kiện nêu tại thuyết minh số V.22c, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Mạnh Quân

Trương Văn Tiến

Lê Vĩnh Sơn